

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2018
V/v “Tranh chấp L hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Ông Nguyễn Văn Cảnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn thị Mùi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2018 về việc “Tranh chấp L hôn”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị C, sinh năm 1980; Thường trú: Ấp 3, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trương Văn H E, sinh năm 1987; Thường trú: Ấp 3, xã T, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Đào Thị C trình bày:

- Bà với ông Trương Văn H E sống chung vợ chồng từ năm 2008, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 16/5/2008. Sau khi kết hôn ông bà sống tại xã T, huyện Phú Giáo. Trong thời gian chung sống lúc đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc nữa, thường xuyên cãi nhau tất cả các vấn đề trong cuộc sống, không qua tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông H E.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có với nhau 01 con chung tên là Trương Thị Thảo L, sinh ngày 15/12/2009. Bà yêu cầu được quyền nuôi con

chung và yêu cầu ông H E cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện tại bà làm nhân viên phục vụ cho trường Tây Sơn xã T, thu nhập bình quân của bà là 4.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, các buổi hòa giải ông Trương Văn H E trình bày, ông và bà Đào Thị C sống chung vợ chồng từ năm 2008, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 16/5/2008. Sau khi kết hôn ông bà sống tại xã T, huyện Phú Giáo. Trong thời gian chung sống lúc đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Hiện tại ông còn thương vợ con, muốn vợ chồng cùng lo cho con nên không đồng ý ly hôn. Ông H E vắng mặt tại phiên tòa, không bổ sung gì thêm.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có với nhau 01 con chung tên là Trương Thị Thảo L, sinh ngày 15/12/2009. Tại phiên hòa giải ngày 09/02/2018 ông H E có ý kiến trường hợp nêu ly hôn với bà C thì ông nhường quyền nuôi con chung cho bà C, không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Đào Thị C và ông Trương Văn H E là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 16/5/2008 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống nguyên đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn xảy ra do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau tất cả các vấn đề trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được L hôn với bị đơn ông Trương Văn H E.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Trương Văn H E trình bày: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì do ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Hiện tại ông còn thương vợ con, muốn vợ chồng cùng lo cho con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn xảy ra do hai bên tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn không đồng ý ly hôn, tuy nhiên không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung là Trương Thị Thảo L, sinh ngày 15/12/2009. Nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, bị đơn đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định của tâm lý, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, trí tuệ nên việc giao cháu Trương Thị Thảo L cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ và cũng phù hợp với sự thoả thuận của đương sự.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng. Bị đơn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử cân nhắc độ tuổi của con, nhu cầu phục vụ cho đời sống vật chất và tinh thần của trẻ, trên cơ sở thu nhập, điều kiện kinh tế của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng mà nguyên đơn đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 3 điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị C đối với bị đơn ông Trương Văn H E về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Đào Thị C được ly hôn với bị đơn ông Trương Văn H E.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thảo L, sinh ngày 15/12/2009 cho bà Đào Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bị đơn ông Trương Văn H E phải cấp dưỡng nuôi con cho nguyên đơn bà Đào Thị C 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vũ Ngọc N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Trương Văn H E có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm con không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Bà Đào Thị C phải nộp 300.000đ (hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008316, ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

- Ông Trương Văn H E phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Nguyễn Thị Hiên